



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Tuyền Quang

Số 68

Ngày 19 tháng 10 năm 2026

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Trang

14 - 10 - 2026	Quyết định số 128/2026/QĐ-UBND Bãi bỏ các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương và của chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Công Thương.	02
15 - 10 - 2026	Quyết định số 129/2026/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp vận hành hệ thống các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc các lưu vực sông trên địa bàn tỉnh Tuyền Quang.	05
18 - 10 - 2026	Quyết định số 130/2026/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Tuyền Quang.	20

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

15 - 10 - 2026	Quyết định số 2638/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Sơn Nam, tỉnh Tuyên Quang.	22
16 - 10 - 2026	Quyết định số 2653/QĐ-UBND sắp xếp lại và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tân Trào.	24
16 - 10 - 2026	Quyết định số 2654/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 1954/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.	31

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 128/2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương và của chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Công Thương

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định bãi bỏ các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương và của chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Công Thương.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định

Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương và của chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Công Thương, gồm:

1. Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Ủy

ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Tuyền Quang;

2. Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương tỉnh Tuyền Quang;

3. Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Công Thương thuộc Sở Công Thương tỉnh Tuyền Quang.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nội vụ, Công Thương, Tư pháp; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Đỗ Anh Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 129/2026/ QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp vận hành hệ thống các đập, hồ chứa
trên sông, suối thuộc các lưu vực sông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 84/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Tài nguyên nước được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số
23/2026/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý an toàn
đập, hồ chứa nước;*

*Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số
điều của Luật Phòng thủ dân sự;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp vận hành
hệ thống các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc các lưu vực sông trên địa bàn tỉnh
Tuyên Quang.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp vận hành hệ
thống các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc các lưu vực sông trên địa bàn tỉnh
Tuyên Quang.

Điều 2. Điều khoản thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.
- Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin và vận hành đôn, xả lũ đối với các nhà máy thủy điện trên lưu vực sông Lô, sông Miện trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

b) Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin và vận hành đôn, xả lũ đối với các nhà máy thủy điện trên lưu vực sông Nho Quế trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương; Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh; Giám đốc Đài Khí tượng thủy văn tỉnh; Giám đốc Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Hoàng Gia Long

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

QUY CHẾ

Phối hợp vận hành hệ thống các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc các lưu vực sông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 129/2026/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, hình thức, cơ chế, nội dung và trách nhiệm phối hợp vận hành hệ thống các đập, hồ chứa hoạt động trên sông, suối thuộc các lưu vực sông Lô, Nho Quế, Chảy, Con, Gâm và Phó Đáy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 9 Điều 38 Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 84/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã); các chủ quản lý đập, hồ chứa và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật; bảo đảm rõ trách nhiệm, đúng thẩm quyền, không chồng chéo, không làm thay nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị khác.

2. Quy định rõ trách nhiệm phối hợp của các cấp, ngành, địa phương, đơn vị trong việc quản lý, vận hành hệ thống các đập, hồ chứa đang hoạt động trên sông,

suối thuộc các lưu vực sông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về tài nguyên nước, phòng, chống thiên tai, phòng thủ dân sự, điện lực, khí tượng thủy văn, an toàn đập, hồ chứa nước; tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hồng; đảm bảo mục tiêu phòng, chống lũ, ngập lụt và các loại hình thiên tai khác đối với hệ thống sông Hồng - Thái Bình.

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chủ động phối hợp chặt chẽ, thống nhất, thường xuyên, đồng bộ đảm bảo công khai, minh bạch, cung cấp thông tin, dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời; ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong trao đổi, cung cấp thông tin.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 3. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến hoặc cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan theo yêu cầu của cơ quan chủ trì và theo nội dung quy định tại Quy chế này.

2. Tổ chức họp, hội nghị, làm việc liên ngành để trao đổi, thống nhất nội dung phối hợp trong quá trình thực hiện.

3. Kiểm tra, xác minh, xử lý các tình huống phát sinh theo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

4. Các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ chế phối hợp

1. Các cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao và phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Việc phối hợp được thực hiện thông qua văn bản, thư điện tử, điện thoại, hệ thống thông tin điện tử, nền tảng số hoặc các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp xảy ra tình huống khẩn cấp, việc chỉ đạo, điều hành, huy động lực lượng, phương tiện và các nguồn lực thực hiện theo quyết định, chỉ đạo của Chủ

tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh có trách nhiệm tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều hành theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng, rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung và tổ chức thực hiện quy trình vận hành đập, hồ chứa trên sông, suối.

2. Vận hành đập, hồ chứa trong mùa lũ và mùa kiệt nhằm bảo đảm an toàn công trình, an toàn vùng hạ du, duy trì dòng chảy tối thiểu, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước thiết yếu, góp phần phòng, chống thiên tai, giảm thiểu thiệt hại do lũ, hạn hán và sử dụng hiệu quả nguồn nước theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP

VẬN HÀNH HỆ THỐNG CÁC ĐẬP, HỒ CHỨA

Điều 6. Phối hợp rà soát quy trình vận hành đập, hồ chứa trên sông, suối

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, các chủ đập, hồ chứa thường xuyên rà soát việc thực hiện quy trình vận hành đập, hồ chứa trên sông, suối; kịp thời phát hiện các quy định không còn phù hợp, không khả thi hoặc chồng chéo, mâu thuẫn và gửi kiến nghị đến cơ quan chuyên môn quản lý lĩnh vực theo thẩm quyền để tổng hợp, xử lý (Sở Công Thương đối với hồ chứa thủy điện; Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với hồ chứa thủy lợi và các trường hợp thuộc lĩnh vực tài nguyên nước).

2. Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổng hợp các kiến nghị, phản ánh của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới quy trình vận hành đập, hồ chứa trên sông, suối theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Phối hợp vận hành đập, hồ chứa trong mùa lũ**1. Phối hợp vận hành trong mùa lũ với điều kiện bình thường**

a) Các cơ quan, đơn vị tổ chức vận hành đập, hồ chứa theo đúng Quy trình vận hành và Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Phối hợp vận hành các đập, hồ chứa theo nguyên tắc liên hồ chứa; bảo đảm an toàn công trình, góp phần cắt, giảm lũ cho hạ du; cập nhật, trao đổi thường xuyên thông tin vận hành giữa các hồ chứa thượng lưu và hạ lưu liên kề để phục vụ công tác điều hành, ứng phó thiên tai và xử lý tình huống phát sinh.

2. Phương án phối hợp trong mùa lũ với tình huống khẩn cấp**a) Chủ quản lý đập, hồ chứa**

Thực hiện ngay các biện pháp ứng phó phù hợp, kịp thời theo Quy trình vận hành đập, hồ chứa và Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện thông tin, báo cáo theo quy định tại Điều 9 Quy chế này; đồng thời thông tin cho chủ quản lý đập, hồ chứa phía hạ lưu có liên quan để chủ động triển khai các biện pháp ứng phó. Thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 20 Quy chế này.

b) Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh

Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều hành công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa liên quan đến vận hành đập, hồ chứa; tham mưu việc áp dụng các biện pháp cấp bách, huy động lực lượng, phương tiện và các nguồn lực theo thẩm quyền; thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 10 Quy chế này.

c) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Tham mưu Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh chỉ đạo triển khai các biện pháp ứng phó theo Điều 11 Quy chế này.

d) Sở Công Thương

Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các chủ quản lý đập, hồ chứa vận hành theo đúng Quy trình vận hành hồ chứa và Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa

đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Điều 13 Quy chế này.

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường

Tham mưu cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh chỉ đạo, triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó thiên tai theo lĩnh vực, ngành quản lý trên địa bàn tỉnh theo Điều 12 Quy chế này.

e) Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện cung cấp các bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết thủy văn đến các cơ quan, đơn vị theo Điều 17 Quy chế này.

g) Ủy ban nhân dân cấp xã

Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị theo trách nhiệm được giao theo Điều 19 Quy chế này.

h) Các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp triển khai theo chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm được giao tại Quy chế này.

Điều 8. Phối hợp vận hành đập, hồ chứa trong mùa kiệt

1. Trách nhiệm của chủ quản lý đập, hồ chứa.

Việc vận hành đập, hồ chứa trong mùa kiệt phải bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước thiết yếu, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái và thực hiện các yêu cầu về khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước; việc thực hiện giấy phép khai thác, sử dụng nước; việc duy trì dòng chảy tối thiểu, chế độ quan trắc, giám sát và truyền dữ liệu về cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

Điều 9. Chế độ chia sẻ thông tin và báo cáo

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương và chủ quản lý đập, hồ chứa có trách nhiệm chủ động chia sẻ, cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến tình hình khí tượng, thủy văn, nguồn nước, mực nước hồ, lưu lượng nước đến hồ, lưu lượng xả, tình hình vận hành, tình trạng an toàn công trình, nguy cơ ngập lụt vùng hạ du và

các thông tin khác có liên quan đến vận hành hệ thống đập, hồ chứa.

2. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật chuyên ngành và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Khi xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố đập, hồ chứa, xả lũ khẩn cấp, lũ lớn, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất hoặc tình huống khác có khả năng gây mất an toàn công trình, đe dọa tính mạng, tài sản của Nhân dân, chủ quản lý đập, hồ chứa và cơ quan, đơn vị có liên quan phải thông tin, báo cáo ngay bằng phương thức phù hợp cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã khu vực có khả năng bị ảnh hưởng và các cơ quan có liên quan để kịp thời triển khai các biện pháp ứng phó. Nội dung thông tin gồm tình hình sự cố, chế độ vận hành, lưu lượng xả, thời gian dự kiến xả, khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng và các thông tin cần thiết khác phục vụ công tác chỉ đạo, ứng phó.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 10. Trách nhiệm của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh

1. Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, chỉ đạo, điều hành công tác phòng thủ dân sự; phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa liên quan đến vận hành đập, hồ chứa trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Theo dõi, chỉ đạo việc tiếp nhận, tổng hợp, phân tích thông tin về diễn biến thời tiết, khí tượng thủy văn, tình hình vận hành đập, hồ chứa, nguy cơ ngập lụt vùng hạ du và các tình huống bất thường có khả năng ảnh hưởng đến an toàn công trình, tính mạng và tài sản của Nhân dân.

3. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ quản lý đập, hồ chứa và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, sơ tán dân cư, cứu hộ, cứu nạn và khắc phục hậu quả theo quy định.

4. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các biện pháp cấp

bách, điều động, huy động lực lượng, phương tiện, vật tư, trang thiết bị và các nguồn lực cần thiết để ứng phó sự cố, thảm họa theo thẩm quyền.

5. Chỉ đạo, điều phối các cơ quan, đơn vị, lực lượng và địa phương trong công tác thông tin, cảnh báo, sơ tán dân cư, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, y tế, cứu hộ, cứu nạn và khắc phục hậu quả tại khu vực bị ảnh hưởng.

6. Tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc chuẩn bị lực lượng, phương tiện, vật tư, trang thiết bị và phương án ứng phó với các tình huống khẩn cấp liên quan đến vận hành đập, hồ chứa.

7. Chỉ đạo tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm sau các đợt vận hành xả lũ, xả lũ khẩn cấp hoặc xảy ra sự cố đập, hồ chứa.

Điều 11. Trách nhiệm của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

1. Là cơ quan thường trực của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh, có trách nhiệm tham mưu tổ chức thực hiện công tác phòng thủ dân sự, phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn liên quan đến vận hành đập, hồ chứa trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Tổ chức trực ban, tiếp nhận, tổng hợp thông tin về diễn biến thời tiết, mưa lũ, tình hình vận hành đập, hồ chứa và các tình huống bất thường; kịp thời tham mưu Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh chỉ đạo triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp nhằm bảo đảm an toàn công trình và an toàn vùng hạ du.

3. Chủ trì tham mưu việc chuẩn bị lực lượng, phương tiện, vật tư, trang thiết bị và phương án hiệp đồng giữa các lực lượng quân đội, dân quân tự vệ và các lực lượng khác tham gia ứng phó sự cố, thảm họa liên quan đến đập, hồ chứa.

4. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh; phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức sơ tán Nhân dân, di chuyển tài sản và thực hiện các biện pháp khẩn cấp khác theo quy định.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai các

biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai thuộc lĩnh vực quản lý; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác vận hành hệ thống đập, hồ chứa nhằm bảo đảm an toàn công trình, an toàn vùng hạ du, phòng, chống lũ, hạn hán và bảo đảm nguồn nước theo quy định. Phối hợp với Sở Công Thương, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Tuyên Quang, chủ quản lý đập, hồ chứa và Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi diễn biến mưa, lũ, mực nước, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả và các yếu tố liên quan; cung cấp thông tin, tham mưu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước; việc thực hiện giấy phép khai thác, sử dụng nước; việc duy trì dòng chảy tối thiểu, chế độ quan trắc, giám sát và truyền dữ liệu về cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

3. Tiếp nhận, quản lý, tổng hợp và khai thác dữ liệu quan trắc tài nguyên nước, khí tượng thủy văn chuyên dùng của các đập, hồ chứa phục vụ công tác quản lý, điều hành; chia sẻ thông tin từ Hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng của các đập, hồ chứa cho các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định của pháp luật.

4. Là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện Quy chế này; định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện; chủ trì tham mưu xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, quy trình vận hành liên hồ chứa và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; kịp thời báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các trường hợp vận hành không đúng quy định hoặc phát sinh tình huống bất thường theo thẩm quyền.

2. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý an

toàn đập, hồ chứa thủy điện, phòng, chống thiên tai và các nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước về thủy điện theo chức năng, nhiệm vụ được giao và các nội dung phối hợp theo Quy chế này.

3. Hằng năm, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan kiểm tra công tác đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện của chủ sở hữu công trình trước mùa mưa, lũ theo quy định.

4. Theo dõi diễn biến thời tiết, mưa, lũ, tình hình vận hành các đập, hồ chứa thủy điện; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp thông tin, kịp thời báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh chỉ đạo, điều hành theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ.

5. Chủ trì kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung phối hợp vận hành giữa các hồ chứa thủy điện có quan hệ thượng lưu, hạ lưu; việc trao đổi thông tin vận hành, phối hợp điều tiết giảm lũ cho hạ du và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo của các đơn vị quản lý, vận hành hồ chứa thủy điện theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp xã trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai liên quan đến vận hành đập, hồ chứa.

2. Chủ động chuẩn bị lực lượng, phương tiện và phương án bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại khu vực đập, hồ chứa, vùng hạ du và khu vực sơ tán dân cư.

3. Phối hợp tổ chức phân luồng, điều tiết giao thông; kiểm soát, hạn chế hoặc cấm người và phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm khi có ngập lụt, lũ quét, sạt lở hoặc sự cố đập, hồ chứa.

4. Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan trong tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn; tổ chức lực lượng thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, hỗ trợ sơ tán, di dời người và tài sản tại khu vực bị ảnh hưởng theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ quản lý đập, hồ chứa trong công tác cảnh báo, tuyên truyền, hướng dẫn người dân chấp hành các biện pháp bảo đảm an toàn.

6. Kịp thời báo cáo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh về tình hình an ninh, trật tự và các nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn người dân trong vùng hạ du.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Phối hợp rà soát, xác định các tuyến đường, cầu, công trình giao thông, khu dân cư và công trình hạ tầng có nguy cơ bị ảnh hưởng do vận hành xả lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở; tham mưu phương án bảo đảm giao thông, phân luồng, khắc phục công trình bị thiệt hại.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Y tế

Chủ trì chuẩn bị phương án bảo đảm y tế, cấp cứu, vận chuyển người bị nạn; chỉ đạo các cơ sở y tế chuẩn bị nhân lực, thuốc, vật tư, phương tiện cấp cứu; phối hợp bảo đảm vệ sinh môi trường, nước sinh hoạt, an toàn thực phẩm và phòng, chống dịch bệnh tại khu vực bị ngập lụt và khu vực sơ tán dân cư.

Điều 17. Trách nhiệm của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Tuyên Quang

1. Thực hiện cung cấp các bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn nguy hiểm đến các cơ quan quản lý và các đầu mối tiếp nhận thông tin theo quy định tại Điều 34 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trong thời gian có mưa, lũ lớn hoặc tình huống khẩn cấp, tăng cường cung cấp thông tin, số liệu, bản tin dự báo, cảnh báo theo yêu cầu của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh; phối hợp cung cấp thông tin phục vụ đánh giá khả năng xuất hiện lũ lớn, lũ quét, sạt lở và ngập lụt vùng hạ du.

Điều 18. Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang

1. Tổ chức phát sóng, đăng tải kịp thời các bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, thiên tai; thông báo vận hành xả lũ, xả lũ khẩn cấp và các thông tin chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền để Nhân dân, đặc biệt là người dân khu vực hạ du các

đập, hồ chứa, chủ động thực hiện các biện pháp phòng tránh, ứng phó.

2. Phối hợp với chính quyền địa phương và các đơn vị quản lý, vận hành đập, hồ chứa tăng cường truyền thông, hướng dẫn Nhân dân nhận biết tín hiệu cảnh báo xả lũ, khu vực có nguy cơ ngập lụt, sạt lở đất và các biện pháp bảo đảm an toàn trong mùa mưa, lũ.

3. Thực hiện các nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền khác theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh liên quan đến công tác vận hành đập, hồ chứa, phòng, chống thiên tai và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thông qua Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức, chỉ đạo, điều hành công tác phòng thủ dân sự trên địa bàn khi có xả lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở hoặc sự cố đập, hồ chứa.

2. Cử đầu mối thường trực theo dõi, tiếp nhận thông tin và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để kịp thời triển khai các biện pháp phối hợp, ứng phó trong vận hành đập, hồ chứa trong mùa mưa.

3. Phối hợp với chủ quản lý đập, hồ chứa thực hiện công bố công khai Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập thủy điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đến toàn thể Nhân dân, đặc biệt là các hộ trong vùng chịu ảnh hưởng để chủ động phòng tránh.

4. Khi nhận được thông báo xả lũ hoặc cảnh báo tình huống có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn vùng hạ du, căn cứ mức độ, phạm vi ảnh hưởng và phương án đã được phê duyệt, chủ động thông báo kịp thời cho Nhân dân; tổ chức sơ tán, di rời người, tài sản tại khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng; phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh và các lực lượng liên quan thực hiện cứu hộ, cứu nạn theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

5. Khi có cảnh báo về ngập lụt, lũ ống, lũ quét, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập chốt trực 24/24 giờ tại các vị trí cần thiết để thông tin, cảnh báo, hướng dẫn người dân; kiểm soát, không để người và phương tiện đi vào khu vực có nguy cơ đá lăn, sạt lở, ngập lụt và các khu vực nguy hiểm khác theo quy định.

Điều 20. Trách nhiệm của các chủ quản lý đập, hồ chứa

1. Chịu trách nhiệm về an toàn công trình và thực hiện đầy đủ trách nhiệm bảo đảm an toàn vùng hạ du theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện đúng quy trình vận hành hồ chứa; giấy phép khai thác, sử dụng nước; Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự, phòng, chống thiên tai, quản lý an toàn đập, hồ chứa nước và các nội dung phối hợp theo Quy chế này; tổ chức thực hiện các phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện quan trắc, giám sát tài nguyên nước, khí tượng thủy văn chuyên dùng; truyền dữ liệu đầy đủ, kịp thời về cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; thường xuyên kiểm tra hệ thống quan trắc và đường truyền để bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục, đặc biệt trong mùa mưa, lũ.

5. Chủ động tổ chức cảnh báo trực tiếp, kịp thời, liên tục đến khu vực hạ du có khả năng bị ảnh hưởng bởi việc vận hành xả lũ, xả lũ khẩn cấp hoặc sự cố đập, hồ chứa bằng các hình thức phù hợp; bảo đảm thông tin cảnh báo đến được người dân, tổ chức đang hoạt động trong khu vực nguy hiểm; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức sơ tán, di dời người và tài sản khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tình huống khẩn cấp đe dọa trực tiếp đến an toàn của Nhân dân.

6. Khi có dự báo, cảnh báo mưa lớn:

a) Theo dõi chặt chẽ các bản tin dự báo, cảnh báo và số liệu quan trắc khí tượng thủy văn để chủ động vận hành công trình và triển khai các biện pháp ứng phó kịp thời .

b) Tổ chức trực ban 24/24 giờ tại công trình; thường xuyên cập nhật thông tin vận hành của các hồ chứa thượng lưu và hạ lưu liên kề.

7. Khi thực hiện xả lũ theo quy trình vận hành đã được phê duyệt, căn cứ mức độ xả lũ, đơn vị quản lý, vận hành phải xác định các khu vực có nguy cơ ngập lụt, lũ

quét, sạt lở đất theo bản đồ ngập lụt vùng hạ du để thông báo ngay cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Tuyên Quang, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan để chủ động triển khai biện pháp ứng phó.

8. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan cảnh báo, khoanh vùng khu vực nguy hiểm; cung cấp kịp thời thông tin về vận hành, xả lũ và nguy cơ ảnh hưởng để địa phương tổ chức kiểm soát, hướng dẫn người dân phương tiện bảo đảm an toàn.

9. Trường hợp đập, hồ chứa xảy ra sự cố hoặc không thể vận hành công trình theo đúng quy định, phải xả lũ khẩn cấp nhằm bảo đảm an toàn công trình đầu mối thì chủ quản lý đập, hồ chứa phải báo cáo ngay Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh để tổng hợp, tham mưu, tổ chức phối hợp xử lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao; đồng thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh để chỉ đạo xử lý theo thẩm quyền và thông tin kịp thời cho Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Tuyên Quang để tăng cường quan trắc, đo đạc, theo dõi diễn biến khí tượng thủy văn và ban hành các bản tin theo quy định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 130/2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang
Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về dạy thêm, học thêm được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 19/2026/TT-BGDĐT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

1. Bãi bỏ điểm c, d, đ khoản 7 Điều 2.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 2 như sau:

“8. Cơ sở dạy thêm ngoài nhà trường

a) Thực hiện các quy định về dạy thêm, học thêm tại Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 19/2026/TT-BGDĐT, Quyết định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Phối hợp với các cơ sở giáo dục trên địa bàn trong việc kiểm tra hoạt động dạy thêm của giáo viên do cơ sở giáo dục quản lý; thực hiện các quyết định, kết luận kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan có thẩm quyền trong

việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 3 như sau.

“b) Đối với đối tượng học thêm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 19/2026/TT-BGDĐT: Thực hiện chi trả kinh phí cho giáo viên giảng dạy theo quy định tại mục 4 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Đỗ Anh Tuấn

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2638/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết
xây dựng Khu công nghiệp Sơn Nam, tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11
tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của
Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà
nước;*

*Căn cứ Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ
2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế
tỉnh Tuyên Quang tại Tờ trình số 89/TTr-BQLKCNKKT ngày 15 tháng 9 năm 2026;*

ý kiến của Sở Tư pháp tại Văn bản số 3221/STP-XDKTVB&THPL ngày 21 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Sơn Nam, tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Việc tiếp tục thực hiện, điều chỉnh các dự án trong phạm vi quy hoạch Khu công nghiệp Sơn Nam theo Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang được thực hiện theo các quyết định, văn bản đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành, cấp và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Giao Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân xã Sơn Thủy và các cơ quan có liên quan rà soát, xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý các nội dung phát sinh sau khi Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang được bãi bỏ, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Sơn Thủy và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Mạnh Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỂN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2653/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 16 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Sắp xếp lại và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn,
cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tân Trào**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỂN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào tại Tờ trình số 57/TTr-ĐHTTr ngày 07 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bên trong của Trường Đại học Tân Trào như sau:

1. Thành lập, tổ chức lại một số phòng, khoa, trung tâm trực thuộc Trường Đại học Tân Trào:

a) Thành lập Phòng Hành chính - Tổng hợp trên cơ sở sáp nhập Văn phòng và Phòng Kế hoạch - Tài vụ.

b) Thành lập Phòng Quản lý đào tạo và người học trên cơ sở sáp nhập Phòng Đào tạo và Phòng Quản lý sinh viên.

c) Thành lập Khoa Nông nghiệp, Công nghệ và Ngoại ngữ trên cơ sở sáp nhập Khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp với Bộ môn Tin học, Bộ môn Ngoại ngữ thuộc Khoa Sư phạm.

d) Thành lập Khoa Giáo dục thể chất - Quốc phòng và An ninh trên cơ sở nâng cấp và chuyển đổi hình thức hoạt động của Trung tâm Thể dục - Thể thao.

2. Đổi tên Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra thành Phòng Quản lý chất lượng và Kiểm tra

Điều 2. Trường Đại học Tân Trào có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Chức năng:

Trường Đại học Tân Trào có chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học, nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ trong các lĩnh vực giáo dục, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

2. Nhiệm vụ:

a) Tổ chức đào tạo nguồn nhân lực ở các trình độ thuộc phạm vi được phép đào tạo; thực hiện công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật về giáo dục và giáo dục đại học.

b) Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực theo quy định của Nhà nước và theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

c) Nghiên cứu khoa học và thực hiện gắn công tác đào tạo với nghiên cứu khoa học. Thực hiện các hoạt động dịch vụ khoa học - kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, thực hành, thực tập phù hợp với ngành nghề đào tạo. Tổ chức các hoạt động thông tin bằng các hình thức: Hội nghị, hội thảo, khảo sát, tham quan học tập kinh nghiệm, in ấn, xuất bản các ấn phẩm, tài liệu, giáo trình phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học theo quy định của Nhà nước.

d) Thực hiện các quan hệ hợp tác quốc tế, liên kết, liên thông về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nghiên cứu, triển khai khoa học công nghệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

đ) Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng người làm việc, viên chức và hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của cơ quan có thẩm quyền; tổ chức cho viên chức, người lao động và người học tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với ngành nghề đào tạo và nhu cầu của xã hội.

e) Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài sản theo quy định của pháp luật.

g) Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong Nhà trường, xây dựng, thực hiện các quy chế, quy định, biện pháp bảo hộ, an toàn lao động.

h) Thực hiện chế độ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan quản lý các cấp về các hoạt động của Nhà trường theo quy định hiện hành.

i) Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài trong người học và trong đội ngũ viên chức, người lao động của Nhà trường.

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

3. Quyền hạn và trách nhiệm: Trường Đại học Tân Trào được quyền tự chủ và chịu trách nhiệm về quy hoạch, kế hoạch phát triển Nhà trường, tổ chức các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, tài chính, quan hệ quốc tế, tổ chức và nhân sự của Trường, cụ thể là:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, giáo trình đào tạo của Nhà trường phù hợp với chiến lược giáo dục của Nhà nước.

b) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy, học tập đối với các ngành được phép đào tạo; tổ chức tuyển sinh, đào tạo, công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật.

c) Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục; hợp tác, liên kết với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, gắn đào tạo với việc làm, phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội.

d) Quyết định thành lập mới các tổ chức trực thuộc Trường hoặc điều chỉnh

tổ chức bộ máy phù hợp với tình hình phát triển Nhà trường trong từng giai đoạn; tuyển dụng đội ngũ giảng viên, viên chức theo kế hoạch đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; quyết định bổ nhiệm các chức vụ từ cấp khoa, phòng và tương đương trở xuống theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quản lý và phân phối số lượng người làm việc cho các đơn vị trong Trường theo tổng số lượng người làm việc được giao hàng năm; quyết định các vấn đề liên quan đến viên chức, người lao động từ ngạch giảng viên chính, chuyên viên chính và tương đương trở xuống theo phân cấp quản lý.

đ) Nghiên cứu các đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ, thực hiện các dự án, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ theo kế hoạch do cấp trên giao hoặc chủ động hợp tác với các viện, các đại học, trường đại học, các tổ chức quốc tế, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; tổ chức đánh giá, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học, dự án, sản xuất thử nghiệm cấp trường, cấp tỉnh, cấp bộ; được phép xuất bản các tập san, ấn phẩm khoa học, tài liệu, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường theo quy định của pháp luật.

e) Hợp tác, liên doanh, nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân; góp vốn bằng tiền, tài sản, giá trị quyền sở hữu trí tuệ để tiến hành các hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh; sử dụng nguồn thu từ các hoạt động để đầu tư phát triển nguồn nhân lực, xây dựng cơ sở vật chất của Nhà trường, chi cho các hoạt động giáo dục và bổ sung nguồn tài chính cho Nhà trường theo quy định hiện hành.

g) Được Nhà nước giao đất; được thuê đất, vay vốn; được miễn, giảm thuế theo quy định của Nhà nước.

h) Thực hiện dân chủ, bình đẳng, công khai trong việc bố trí và thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, khoa học và công nghệ, tổ chức cán bộ và hoạt động tài chính.

i) Thực hiện chế độ báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có liên quan về các hoạt động của Trường.

k) Được ban hành các quy định, quy chế quản lý nội bộ phù hợp với các quy

định hiện hành.

l) Quyết định tiếp nhận, luân chuyển, nâng lương, nghỉ chế độ, khen thưởng, kỷ luật, cử đi đào tạo, bồi dưỡng, đi công tác trong và ngoài nước theo phân cấp quản lý cán bộ của Ủy ban nhân dân tỉnh.

m) Thực hiện quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình và các quyền, trách nhiệm khác của cơ sở giáo dục đại học công lập theo quy định của Luật Giáo dục đại học, pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tân Trào gồm:

1. Lãnh đạo trường.

2. Các phòng chức năng (04 phòng):

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp;

b) Phòng Quản lý đào tạo và người học;

c) Phòng Quản lý chất lượng và Kiểm tra;

d) Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế.

3. Các khoa chuyên môn (07 khoa):

a) Khoa Sư phạm;

b) Khoa Nông nghiệp, Công nghệ và Ngoại ngữ;

c) Khoa Văn hóa - Du lịch;

d) Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh;

đ) Khoa Y - Dược;

e) Khoa Chính trị và Tâm lý - Giáo dục;

g) Khoa Giáo dục thể chất - Quốc phòng và An ninh.

4. Trung tâm trực thuộc (02 trung tâm):

a) Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp;

b) Trung tâm Thực nghiệm và Chuyển giao công nghệ.

5. Trường Phổ thông Tuyên Quang (tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về phương án sắp xếp theo pháp luật chuyên ngành).

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Trường Đại học Tân Trào có trách nhiệm ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động và công bố công khai tại Trường; quy định chức năng, nhiệm vụ đối với các đơn vị trực thuộc Trường; giao số lượng người làm việc, chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP trong các đơn vị trực thuộc Trường theo quy định; tổ chức thực hiện việc bố trí, sắp xếp nhân sự, tài sản, tài chính và các vấn đề khác có liên quan theo quy định của pháp luật để Trường Đại học Tân Trào hoạt động có hiệu quả.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với Trường Đại học Tân Trào về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động và các nội dung khác thuộc lĩnh vực nội vụ theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của cấp có thẩm quyền.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc sắp xếp, sáp nhập, hoặc giải thể (nếu có) các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tân Trào để tinh gọn bộ máy, phù hợp với tình hình thực tế và định hướng phát triển của ngành giáo dục địa phương; theo dõi, kiểm tra việc tuân thủ quy trình sắp xếp, đảm bảo sự công khai, minh bạch, dân chủ trong bố trí nhân sự và tổ chức bộ máy; phối hợp đánh giá chuyên môn các ngành đào tạo sư phạm, giám sát điều kiện chuẩn đầu ra, chương trình biên soạn tài liệu, giáo trình và phương pháp giảng dạy theo cơ cấu các khoa mới.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn Trường Đại học Tân Trào thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm hướng dẫn hiện hành; hướng dẫn Trường Đại học Tân Trào thực hiện phương án xử lý tài chính, tài sản của đơn vị giải thể (nếu có) theo quy định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào; Thủ trưởng các

cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Đỗ Anh Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2654/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 16 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 1954/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định
cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 121/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ về xử lý khó khăn, vướng mắc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về khu công nghiệp, địa chất, khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 39/2026/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động, cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 05/2026/QĐ-CTUBND ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 2413/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chuyển giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tham mưu quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản theo Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9 năm 2026 của Chính phủ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng được chuyển giao sang Sở Công Thương;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 900/TTr-SNNMT ngày 09 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 1954/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang như sau:

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: Nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo; phát triển nông thôn; đất đai; tài nguyên nước; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; viên thám; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật”.

2. Bãi bỏ khoản 17 Điều 3 và điểm d khoản 2 Điều 4.

3. Sửa đổi khoản 35 Điều 3 như sau:

“35. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm, ngạch công chức theo vị trí việc làm, bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm, tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy

định của pháp luật”.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Phòng Địa chất, Khoáng sản và Tài nguyên nước giải thể kể từ ngày 06/10/2026.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Đỗ Anh Tuấn

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TUYỀN QUANG XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 160 - Đường Trần Hưng Đạo - P. Minh Xuân - T. Tuyền Quang;

Điện thoại liên hệ: 0207.3822.475;

E-mail: congbaohtuyenquang@gmail.com;

Website: congbao.tuyenquang.gov.vn.